

## CTCP KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ – PVDRILLING

## XẾP HẠNG 12 THÁNG

MUA

Giá đóng cửa 26/8/2024	₫27.600
Giá mục tiêu 12 tháng	₫34.100
Lợi nhuận kỳ vọng	23,4%

## CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ

ROE (%)	ROA(%)
4.1%	2.8%
EPS (VND/cổ phiếu)	BVPS (VND/cổ phiếu)
1.049	27.868
P/E (lần)	P/B (lần)
22.9	1.0

## THÔNG TIN CẬP NHẬT

## Kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực trong Q2.2024

- Doanh thu tăng trưởng 59,5%, Lợi nhuận trước thuế giảm nhẹ 3,7% **yoy**: Doanh thu Q2 đạt 2.254 tỷ đồng, tăng mạnh 59,5% svck, lũy kế 6T, doanh thu đạt 4.036 tỷ đồng, tăng 53,1% svck 2023, thực hiện 65% kế hoạch cả năm.
- Trong Q2, Giá vốn tăng nhanh hơn Doanh thu (69,3% so với 59,5%), đưa lợi nhuận gộp Q2 đạt 469 tỷ đồng, tăng 30,8% svck. Lũy kế 6 tháng, Lợi nhuận gộp đạt 926 tỷ đồng, tăng 55,4% svck. Biên LNG đạt 20,8% và 22,9% trong Q2 và 6T.
- Lợi nhuận trước thuế Q2 đạt 206 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,7% so với cùng kỳ, lũy kế 6 tháng, Lợi nhuận trước thuế đạt 424 tỷ đồng, tăng 52,4% svck, hoàn thành đến 96% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 130 và 281 tỷ đồng, giảm 16,7% và tăng 34% so với cùng kỳ 2023, thực hiện được 74% kế hoạch cả năm.

## Triển vọng hoạt động 2024-2025 của PVD

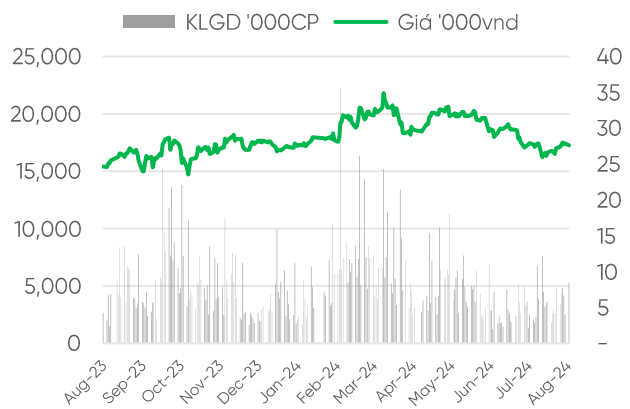
- Nhu cầu giàn khoan vẫn ở mức cao: IEF dự báo nhu cầu đầu tư thượng nguồn dầu khí vẫn tiếp tục tăng lên, đến 2030 đạt khoảng 738 tỷ usd/năm. Lũy kế giai đoạn 2024-2030 giá trị đầu tư dự kiến là khoảng 4.855 tỷ usd. Tăng 83% so với giai đoạn 7 năm trước đây.
- Giá cho thuê giàn khoan vẫn ở mức cao: Theo số liệu của S&P, giá cho thuê giàn khoan có sự tăng trưởng 20% trong nửa đầu năm 2024. hiện giá cho thuê ở mức 135-150 nghìn usd/ngày.
- Các giàn khoan sở hữu có hợp đồng đến hết năm 2025: giàn đầu tư mới cho dự án Lô B đang chờ phê duyệt từ PVN, có thể chậm lại so với kế hoạch ban đầu, nhưng không bị ảnh hưởng nhiều. Công ty cũng đang thuê thêm 02 giàn cung cấp cho chiến dịch khoan trong nước.

**Định giá cổ phiếu: Định giá theo DCF, giá trị cổ phiếu xác định ở mức 34.100 đồng/cổ phần, Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA cổ phiếu PVD.**

## THÔNG TIN GIAO DỊCH

Mã giao dịch	HSX: PVD
KLGD TB 52 tuần (trcp)	5,05
Khối lượng lưu hành (trcp)	555,88
Biên độ 52 tuần	23.550 ₫ – 34.900 ₫
Vốn hóa doanh nghiệp (tỷ VND)	15.213
Beta	1.11

## BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU PVD



## CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	6T.2023	6T.2024	2024F
Doanh thu	5,804	2,637	4,036	7,600
Tăng trưởng DT	6.8%	8.0%	53.1%	30.9%
Lợi nhuận gộp	1,305	596	926	1,778
Lợi nhuận trước thuế	658	278	424	1,050
Lợi nhuận sau thuế	545	210	281	840
EBIT	908	402	563	1,375
EBITDA	1,765	830	996	2,584
Tài sản ngắn hạn	6,928	6,105	8,551	7,980
Tài sản dài hạn	14,705	14,712	14,793	15,658
Tổng tài sản	21,633	20,817	23,344	23,638
Nợ phải trả	6,735	6,534	7,603	8,184
Vốn chủ sở hữu	14,898	14,283	15,742	15,212
D/E	0.45	0.46	0.48	0.54
EPS	1,049	413	533	1,491
BVPS	26,354	25,260	27,868	26,909

Nguồn: BCTC PVD, VPBankS Research tổng hợp

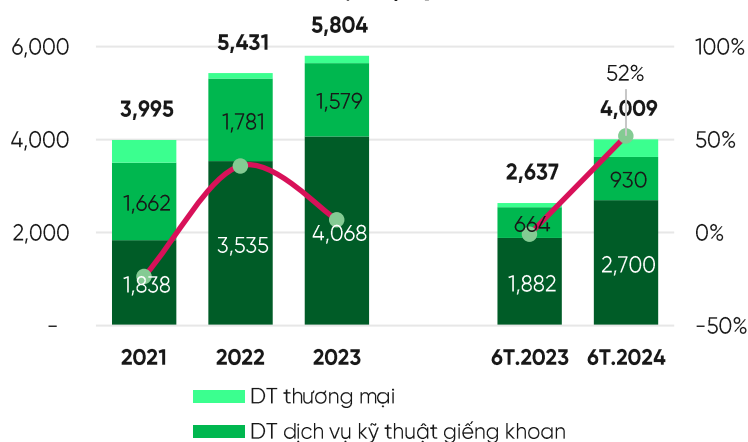
## Chuyên viên phân tích

Chu Thế Huỳnh

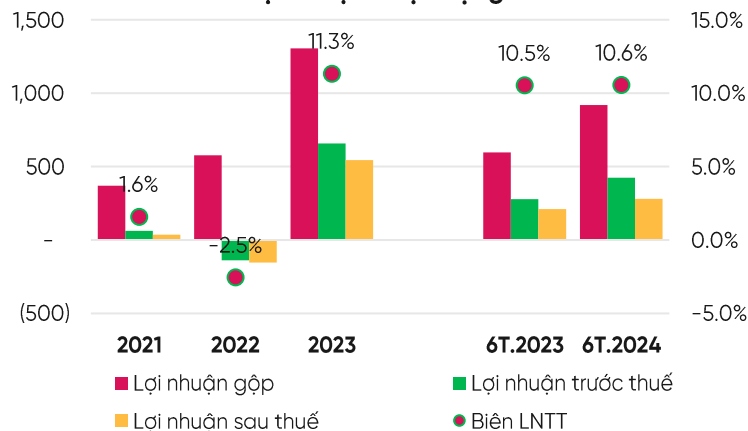
[Huynhct@vpbanks.com.vn](mailto:Huynhct@vpbanks.com.vn)

## Kết quả kinh doanh khả quan

**Doanh thu hoạt động kinh doanh**



**Lợi nhuận hoạt động kinh doanh**

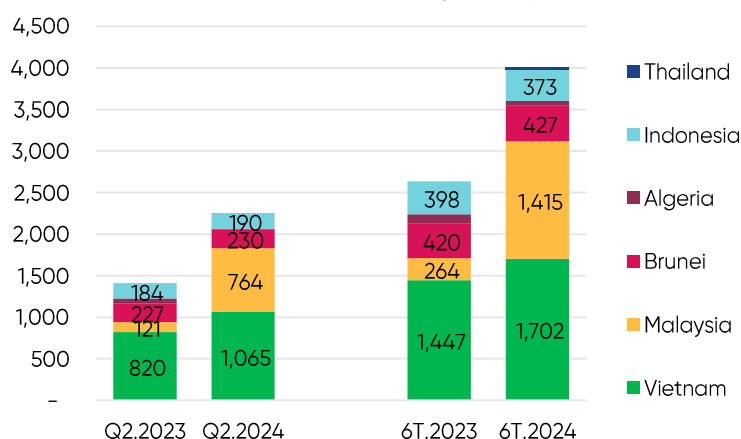


Nguồn: PVD, VPBankS Research tổng hợp

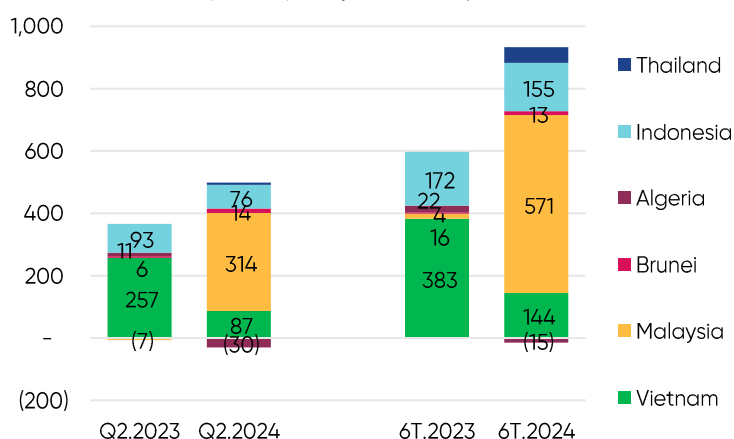
### Doanh thu Q2 tăng mạnh 59,5%, Lợi nhuận suy giảm nhẹ 3,7% do biến động tỷ giá.

- Doanh thu Q2 đạt 2.254 tỷ đồng, tăng mạnh 59,5% yoy. Các lĩnh vực kinh doanh đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ, trong đó lĩnh vực thương mại tăng mạnh nhất với 196%, lĩnh vực cho thuê giàn khoan tăng 58,7% khi đạt 1.538 tỷ đồng, chiếm đến 68,2% tổng doanh thu. Trong Q2, giá cho thuê giàn tự nâng tăng 25%, công ty cũng có thêm 01 giàn thuê ngoài phục vụ cho chiến dịch khoan trong nước. Lũy kế 6T, doanh thu đạt 4.036 tỷ đồng, tăng 53,1% yoy, thực hiện 65% kế hoạch cả năm. Riêng doanh thu cho thuê giàn khoan đạt 2.700 tỷ đồng, tăng 43,5% yoy.
- Trong Q2, Giá vốn hàng bán đã tăng nhanh hơn Doanh thu (69,3% so với 59,5%), đưa lợi nhuận gộp Q2 đạt 469 tỷ đồng, tăng 30,8% svck. Lũy kế 6 tháng, Lợi nhuận gộp đạt 926 tỷ đồng, tăng 55,4% svck. Biên LNG đạt 20,8% và 22,9% trong Q2 và 6T.
- Lợi nhuận trước thuế Q2 đạt 206 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng, Lợi nhuận trước thuế đạt 424 tỷ đồng, tăng 52,4% svck, hoàn thành đến 96% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế Q2 và 6T lần lượt đạt 130 tỷ đồng và 281 tỷ đồng, giảm 16,7% và tăng 34% so với cùng kỳ 2023.

**Doanh thu theo thị trường**



**Lợi nhuận gộp theo thị trường**



Nguồn: PVD, VPBankS Research tổng hợp

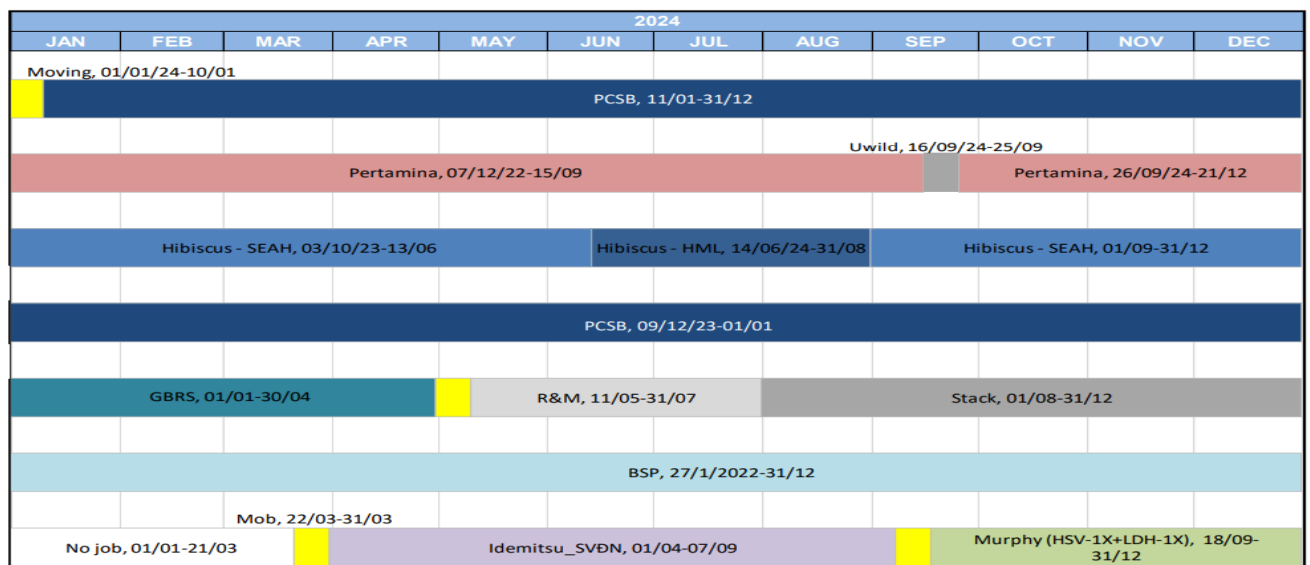
### Doanh thu và Lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động

- 6 tháng đầu năm, doanh thu thị trường nội địa đạt 1.702 tỷ đồng, tăng 17,6%, chiếm 42,4% tổng doanh thu (TDT). Thị trường Malaysia xếp thứ hai với 1.415 tỷ đồng, tăng 4,36 lần và chiếm 35,3% TDT. Thị trường Brunei ổn định với 427 tỷ đồng, đây là thị trường cho thuê giàn khoan nước sâu PVDV-TAD.
- Mặc dù doanh thu cao, thị trường nội địa chỉ mang về 144 tỷ đồng LNG, xếp thứ ba. Thị trường Indonesia mang về 155 tỷ đồng LNG, xếp thứ 2. Thị trường Malaysia dẫn đầu khi mang về 571 tỷ đồng LNG, tăng mạnh 24,6 lần yoy, hiện thị trường này tập trung 3 giàn khoan của PVD. Thị trường Algeria lở do giàn khoan đang nghỉ chờ hợp đồng mới.

### Hoạt động đầu tư thượng nguồn là động lực phát triển trong trung và dài hạn.

- Nhờ giá dầu tăng và giữ ở mức cao, cùng với chiến lược phát triển đảm bảo an ninh năng lượng đất nước, các dự án đầu tư dầu khí trong nước được tập trung thực hiện.
- Dự án khâu thượng nguồn tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong nước cũng được thực hiện. Trong đó có các dự án rất lớn kỳ vọng được thực hiện trong giai đoạn 2023-2027 như Lô B- Ô môn, Nam du U Minh sẽ là động lực phát triển của PVD trong trung và dài hạn.
- Bên cạnh đó, thị trường khoan dầu khu vực tiến triển tích cực, 3/5 giàn khoan của PVD đều đang hoạt động tại thị trường Đông Nam Á và có hợp đồng khoan đến hết năm 2025.

### Kế hoạch hoạt động các giàn khoan của PVD

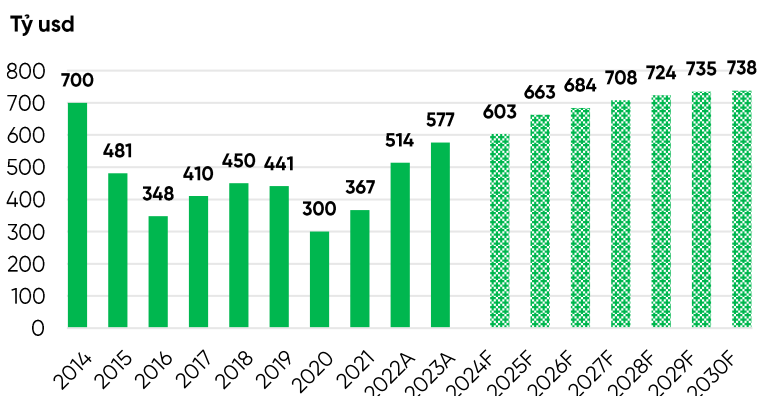


Nguồn: PVD, VPBankS Research tổng hợp

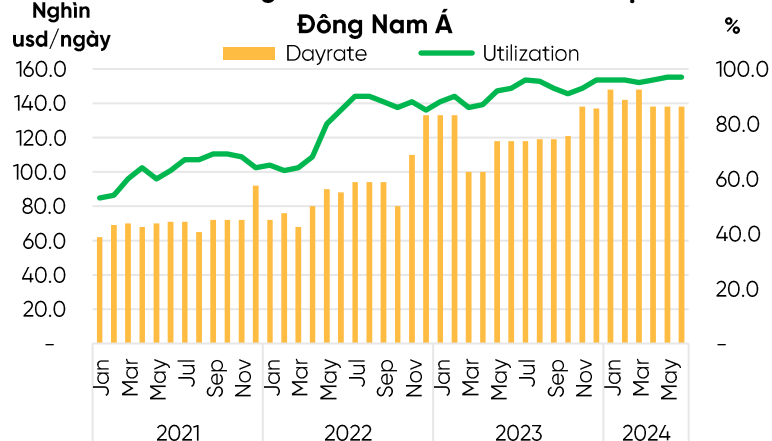
### Giá cho thuê giàn khoan tiếp tục tăng cao

- Giá cho thuê giàn khoan JU khu vực Đông Nam Á tiếp tục tăng và chạm mức 150 nghìn usd/ngày trong 6 tháng 2024.
- Khu vực Trung Đông tiếp tục là thị trường thu hút nhu cầu giàn khoan JU khi các hoạt động thăm dò tìm kiếm dầu khí tại khu vực này được thúc đẩy.
- Đầu tư lĩnh vực thượng nguồn dầu khí toàn cầu tiếp tục dự báo tăng lên. Báo cáo tại diễn đàn năng lượng quốc tế (IEF) dự báo đầu tư E&P đạt khoảng 603 tỷ USD trong năm 2024, tăng so với mức 490 tỷ USD của năm 2023.

### Dự báo giá trị đầu tư E&P dầu khí toàn cầu



### Giá cho thuê giàn khoan JU 361-400' khu vực



Nguồn: IEF, S&P Global, VPBankS Research tổng hợp

## PHỤ LỤC TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh	2022A	2023A	2024F	Lưu chuyển dòng tiền	2022A	2023A	2024F
Doanh thu	5,432	5,810	7,600	Dòng tiền thuần hữ kinh doanh	-83	1,573	1,396
Giá vốn hàng bán	-4,854	-4,510	-5,823	Dòng tiền thuần hữ đầu tư	1,208	-868	-2,157
Lợi nhuận gộp	578	1,300	1,778	Dòng tiền thuần hữ tài chính	-238	-590	1,071
Doanh thu tài chính	118	134	139				
Chi phí tài chính	-313	-392	-325				
Chi phí bán hàng	-18	-24	-27				
Chi phí quản lý d.nghiệp	-493	-520	-608				
Lợi nhuận thuần hữkd	-83	564	1,044				
Lợi nhuận trước thuế	-138	655	1,050				
Lợi nhuận sau thuế	-154	540	840				
Lợi nhuận cơ công ty mẹ	-102	579	829				
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	-52	-39	11				
Tài sản- Nguồn vốn	2022A	2023A	2024F	Hệ số tài chính	2022A	2023A	2024F
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>5,646</b>	<b>6,954</b>	<b>7,980</b>	<b>Hệ số hiệu quả</b>			
Tiền tương đương tiền	2,079	2,256	2,566	Biên lợi nhuận gộp	10.6%	22.4%	23.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	424	1,278	1,278	EBITDA Margin	22.3%	37.5%	34.0%
Khoản phải thu	2,163	2,340	2,915	Biên lợi nhuận ròng	-1.9%	10.0%	10.9%
Hàng tồn kho	909	1,000	1,117	ROE	-1.1%	3.6%	5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	71	79	104	ROA	-0.7%	2.5%	3.6%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>15,058</b>	<b>14,696</b>	<b>15,658</b>	<b>Hệ số tăng trưởng</b>			
Tài sản cố định	13,567	13,115	14,106	Tăng trưởng doanh thu	36.0%	7.0%	30.9%
Tài sản dở dang dài hạn	8	7	50	Tăng trưởng LNTT	-319.3%	575.9%	59.6%
Tài sản dài hạn khác	1,483	1,574	1,502	Tăng trưởng LNST	-610.0%	450.6%	42.1%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20,704</b>	<b>21,650</b>	<b>23,638</b>	Tăng trưởng EPS	-486.4%	667.7%	42.1%
<b>Nợ phải trả</b>	<b>6,625</b>	<b>6,756</b>	<b>8,184</b>	<b>Hệ số thanh khoản</b>			
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>2,868</b>	<b>3,176</b>	<b>3,285</b>	Hệ số thanh toán hiện hành	1.97	2.19	2.43
Phải trả người bán ngắn hạn	1,613	2,098	2,074	Hệ số thanh toán nhanh	1.72	1.72	2.09
Vay và nợ ngắn hạn	835	553	603	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.32	0.31	0.35
Phải trả ngắn hạn khác	420	525	608	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.47	0.45	0.53
<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>3,757</b>	<b>3,580</b>	<b>4,898</b>	Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	0.56	2.67	4.23
Vay và nợ dài hạn	3,000	2,788	4,138				
Phải trả dài hạn khác	757	792	761				
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14,079</b>	<b>14,894</b>	<b>15,455</b>	<b>Hệ số định giá</b>			
Vốn góp của chủ sở hữu	5,563	5,563	5,563	Lợi suất cổ tức	0.0%	0.0%	1.5%
Quỹ đầu tư phát triển	7,851	8,403	8,404	EPS (VND)	-183	1,041	1,491
Lợi nhuận ST chưa phân phối	436	691	1,245	BVPS (VND)	24,897	25,920	26,909
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	229	237	243				
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>20,704</b>	<b>21,650</b>	<b>23,638</b>				

Nguồn: BCTC PVD, VPBankS Research tổng hợp

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Khối Nghiên Cứu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Khối Nghiên Cứu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Khối Nghiên Cứu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBANK, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: [cskh@vpbanks.com.vn](mailto:cskh@vpbanks.com.vn)

Website: [www.vpbanks.com.vn](http://www.vpbanks.com.vn)

### Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: [research@vpbanks.com](mailto:research@vpbanks.com)